

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 28 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khổng Mỹ Hạnh;
Ông Nguyễn Hồng Diên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuyến và bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/HSST-QĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/HSST-QĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1983 tại huyện Q, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N, sinh năm 1950 và bà Lục Thị N1, sinh năm 1951; vợ là Dương Thị T1, sinh năm 1982; có 02 con: con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2015 Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2018 đến ngày 21/4/2019 được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Dương Thị T1, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G. Có mặt.

+ Anh Mã Văn H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G. Có mặt.

+ Bà Ma Thị K, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh G. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1988. Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Minh H1, sinh năm 1991. Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1985. Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Ngọc V, sinh năm 1979. Có mặt.

+ Ông Lục Hải C, sinh năm 1978. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ ngày 24/9/2018, Tổ công tác Phòng PC04 Công an tỉnh Hà Giang triển khai công tác trên tuyến Quốc lộ 279 đoạn qua xã Tân Trinh, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, phát hiện bắt quả tang hai đối tượng: Hoàng Văn T2, sinh năm 1988 và Hoàng Minh H1, sinh năm 1991 cùng trú tại thôn H, xã B, huyện B, tỉnh G có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Qua đấu tranh khai thác, T2 và H1 khai nhận vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 24/9/2018, T2 và H1 góp nhau mỗi người 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) để đi mua ma túy về chia nhau sử dụng. T2 và H1 đến nhà Phan Văn T, sinh năm 1983 trú tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh G để mua. Khi đến nhà T, T2 và H1 cùng lên nhà (nhà sàn), H1 là người trực tiếp đưa 290.000đ (*hai trăm chín mươi nghìn đồng*) cho T do đã xin bớt 10.000đ (*mười nghìn đồng*) để mua xi lanh và nước cất, sau đó T đưa cho T2 01 (*một*) gói ma túy. Sau khi mua được ma túy, T2 và H1 mang đến đồi keo thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện B, tỉnh G để cùng nhau sử dụng thì bị Công an tỉnh bắt quả tang.

Ngày 25/9/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Văn T, quá trình khám xét thu giữ 01 (*một*) gói nilon màu trắng có in nhiều chữ bên trong chứa chất nhựa dẻo màu nâu (ngghi là thuốc phiện) và một số đồ vật, tài sản khác thể hiện trong biên bản khám xét khẩn cấp ngày 25/9/2018 và biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 25/9/2018.

Ngày 26/9/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang tiến hành cân tịnh chất nhựa dẻo màu nâu (ngghi là thuốc phiện) thu giữ tại nhà Phan Văn T, có khối lượng là 1,30g (một phẩy ba mươi gam). Về nguồn gốc chất nhựa dẻo màu nâu, Phan Văn T khai nhận xin được của một người đàn ông tên T4 (không biết họ và địa chỉ) tại xã P, huyện Q, tỉnh G khi T đi chợ về để chữa bệnh ung thư phổi cho bố bị cáo. Ngày 03/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 106, trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định chất ma túy đối với 1,30g chất nhựa dẻo màu

nâu (nghi là thuốc phiện) thu tại nhà Phan Văn T, tại Kết luận giám định số 5469/C09 (TT2) ngày 11/10/2018, Viện khoa học hình sự kết luận: mẫu chất dẻo màu nâu gửi giám định là thuốc phiện pha trộn với Acetaminophen và Caffeine, hàm lượng Morphine 6,4%. Với hàm lượng Morphine 6,4% khối lượng thuốc phiện quy đổi trong 1,30gam mẫu gửi giám định là 0,83g (không phẩy tám mươi ba gam).

Tại cơ quan điều tra, Phan Văn T đã khai nhận: Phan Văn T là đối tượng nghiện ma túy Heroine từ năm 2008, quá trình sử dụng ma túy T nhận thấy việc bán lẻ ma túy có lợi nhuận cao nên đã nảy sinh ý định mua ma túy Heroine về sau đó chia nhỏ ra để bán kiếm lời. Để có ma túy bán, Phan Văn T đã mua ma túy Heroin của các con nghiện trên địa bàn huyện Bắc Quang (không biết tên, tuổi, địa chỉ) và mua ma túy Heroine của Cam Thanh L, sinh năm 1963, trú tại thôn T, xã G, huyện B, tỉnh G hai lần, lần một vào khoảng tháng 8 năm 2018, T mua 2.000.000^d (Hai triệu đồng) được 05 (năm) phân ma túy Heroin, địa điểm giao dịch là trên đường gần Ủy ban nhân dân xã H; lần hai vào khoảng đầu tháng 9 năm 2018, T tiếp tục mua 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) được 01 (một) chỉ ma túy Heroine tại nhà riêng của L. Sau khi mua được ma túy, T chia thành các gói nhỏ để sử dụng cho bản thân và bán lại cho các con nghiện với giá từ 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đến 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để kiếm lời.

Ngoài ra, tại các lời khai và bản cung từ ngày 25/9/2018 đến trước ngày 08/01/2019, T còn khai nhận được bán ma túy cho các đối tượng: Hoàng Văn T2, sinh năm 1988, Hoàng Minh H1, sinh năm 1991, Hoàng Văn T3, sinh năm 1985 cùng trú tại thôn H, xã B, huyện B, tỉnh G 04 (bốn) lần: Trong tháng 8 năm 2018 (không nhớ ngày cụ thể), bán cho Hoàng Văn T2 01 (một) lần 01 (một) gói ma túy Heroine với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng do T2 không có tiền nên đã để lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ma Thị K (là mẹ đẻ của T2) và 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn T2 để làm tin; đồng thời Thành còn vay của T 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền mặt và hứa khi nào có tiền sẽ trả lại cho T.

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2018 đến ngày 23/9/2018, Phan Văn T có nhờ Lục Hải C đến giúp kẻ vẽ khung nhà sàn hộ cho T, biết C là người nghiện ma túy nên trong hai lần sử dụng ma túy Phan Văn T đều cho C cùng sử dụng, không lấy tiền, C không lấy tiền công.

Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 08/01/2019, Phan Văn T phủ nhận tất cả các lời khai mà T đã khai trước đó, T không thừa nhận việc bán ma túy cho T2, H1, T3 và việc cho ma túy cho C. Lý do có sự thay đổi lời khai là do sau khi bị bắt trạng thái tinh thần của T không ổn định, không được tỉnh táo, minh mẫn.

Trong các lời khai từ ngày 17/01/2019 đến nay, Phan Văn T thừa nhận được bán ma túy 01 (một) lần, cho Hoàng Văn T2, trị giá gói ma túy là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tuy nhiên do T2 không có tiền trả nên đã để lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ma Thị K và 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn T2; đồng thời T2 cũng vay T 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền mặt. Ngoài ra Phan Văn T không thừa nhận việc bán ma

túy cho ai khác. Đối với Lục Hải C, Phan Văn T thừa nhận được cung cấp ma túy Heroine cho Chung 02 (hai) lần khi C đến kẻ vẽ khung nhà sàn cho T, T không tính tiền ma túy và C cũng không tính tiền công.

Quá trình đối chất với Hoàng Minh H1, Hoàng Văn T3, Hoàng Ngọc V, Phan Văn T không thừa nhận việc bán ma túy cho các đối tượng này.

Tại phiên toà, bị cáo Phan Văn T chỉ thừa nhận được bán ma túy 01 (một) lần cho Hoàng Văn T2, trị giá gói ma túy là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tuy nhiên do T2 không có tiền trả nên đã để lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ma Thị K và 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn T2. Ngoài ra Phan Văn T không thừa nhận việc bán ma túy cho ai khác.

Quá trình điều tra, người làm chứng Hoàng Văn T2 cũng thừa nhận được giao dịch mua ma túy Heroine của Phan Văn T một lần vào tháng 8 năm 2018 (T2 không nhớ ngày) tại nhà T với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), do không có tiền nên T2 có để lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ma Thị K và 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn T2. Ngoài ra trước đó, Hoàng Ngọc V, Hoàng Minh H1, Hoàng Văn T3 có khai được mua ma túy Heroine của Phan Văn T nhiều lần, nhưng qua đối chất giữa bị cáo và các đối tượng nghiện ma túy nêu trên bị cáo không thừa nhận được bán ma túy cho ai ngoài bán cho Hoàng Văn T2 một lần, vì vậy không đủ căn cứ chứng minh bị cáo bán ma túy (heroine) nhiều lần. Tại phiên tòa ngày hôm nay, người làm chứng Hoàng Văn T2, Hoàng Minh H1, Hoàng Văn T3 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt. Có mặt người làm chứng Hoàng Ngọc V, qua thẩm vấn tại phiên tòa Hoàng Ngọc V không thừa nhận mua ma túy lần nào với bị cáo T.

Đối với người làm chứng Lục Hải C thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2018 đến ngày 23/9/2018 C có đến hộ bị cáo kẻ vẽ khung nhà sàn và bị cáo trong hai lần sử dụng ma túy đều cho C cùng sử dụng, không lấy tiền, việc C hộ bị cáo kẻ vẽ khung nhà sàn không tính tiền công và bị cáo cũng không tính tiền ma túy đã đưa cho C. Tại phiên tòa ngày hôm nay, người làm chứng Lục Hải C và bị cáo Phan Văn T đều thừa nhận bị cáo có đưa cho Lục Hải C hai lần ma túy Heroine để C sử dụng, việc cho C ma túy bị cáo không tính tiền mà chỉ để nhằm thỏa mãn cơn nghiện cho Lục Hải C vì trước đó bị cáo đã biết C là người nghiện ma túy.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS-BQ ngày 27/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Phan Văn T về tội về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố Phan Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và rút quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Văn T từ điểm b khoản 2 Điều

251 của Bộ luật Hình sự chuyển xuống truy tố tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự .

Về điều luật và hình phạt: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, thời gian bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Bị cáo lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với cộng đồng và người thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, điều tra viên, kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố Phan Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và rút quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Văn T từ điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự chuyển xuống truy tố tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Bởi lẽ, tại giai đoạn truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo Bàn Văn T khai nhận được bán ma túy 01 (một) lần cho Hoàng Văn T2, trị giá gói ma túy là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tuy nhiên do T2 không có tiền trả nên đã để lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ma Thị K và 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn T2 là phù hợp với chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, kết quả đối chất với các đối tượng khai nhận được mua ma túy của T, T chỉ thừa nhận bán 01 lần cho Hoàng Văn T2, ngoài ra không thừa nhận bán trái phép chất ma túy cho bất cứ lần nào khác cho T2 và các đối tượng nghiên; lời khai của các đối tượng nghiên ma túy trong vụ án có nhiều mâu thuẫn về mặt thời gian; đồng thời quá trình khám xét nhà, chỗ ở của

bị cáo không thu giữ được ma túy hay vật chứng nào khác; kết quả kiểm tra lịch sử cuộc gọi điện thoại của bị cáo cũng không thấy có số điện thoại gọi đến của những người khai đã mua ma túy của bị cáo.

Do vậy, cần chấp nhận nội dung rút quyết định truy tố của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Phan Văn T từ điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự chuyển xuống khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong giai đoạn điều tra, căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng Hoàng Văn T2 và các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường cùng tài liệu khác có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phan Văn T phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, mặt khác góp phần tiếp tay làm gia tăng tệ nạn sử dụng ma túy và tội phạm khác ở địa phương, gây mất an ninh trật tự, gây xôn xao dư luận, khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định: Bị cáo Phan Văn T đã bán 01 lần ma túy cho Hoàng Văn Thành 01 lần trị giá 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Chính vì vậy, cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành một người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, người làm chứng Hoàng Minh H1, Hoàng Văn T3, Hoàng Ngọc V khai mua ma túy của Phan Văn T nhưng Phan Văn T không thừa nhận việc bán ma túy cho những người này. Tại giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang cũng đã tiến hành cho T và những người làm chứng đối chất nhưng không có kết quả, khi mua bán không có ai chứng kiến, ngoài lời khai những người làm chứng không có tài liệu chứng cứ nào khác và tại phiên tòa Hoàng Ngọc V khai không mua ma túy của bị cáo T

lần nào. Mặt khác, trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2018 đến ngày 23/9/2018, Phan Văn T có nhờ Lục Hải C đến giúp kẻ vẽ khung nhà sàn hộ cho T, biết C là người nghiện ma túy nên trong hai lần sử dụng ma túy Phan Văn T đều cho C cùng sử dụng, không lấy tiền, do đó không đủ căn cứ để xử lý T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy 02 lần trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo khai mua của Cam Thanh L, sinh năm 1963, trú tại thôn T, xã G, huyện B, tỉnh G, nhưng quá trình điều tra và đối chất Cam Thanh L không thừa nhận được bán ma túy cho bị cáo, do đó cơ quan điều tra không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông cho bị cáo sai thuốc phiện, quá trình điều tra không xác định được đối tượng có đặc điểm như bị cáo đã khai nên không có căn cứ để xem xét.

Ngoài ra, những người làm chứng trong vụ án này có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng đã bị cơ quan Công an huyện Bắc Quang xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân:

Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang phải nuôi bố để bị bệnh ung thư phổi, con thì còn nhỏ đang học lớp 4 tuổi, bản thân bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên khi áp dụng mức hình phạt cũng cần xem xét để thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Do vậy, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 251 của Bộ luật hình sự là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) phong bì niêm phong bằng giấy trắng, bên ngoài có ghi “vỏ phong bì niêm phong và mảnh nilon sau khi mở niêm phong mẫu vật gửi giám định”, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu giáp lai của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hà Giang; 01 (một) phong bì mặt sau ghi “mẫu vật hoàn trả sau giám định” có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn giáp lai của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; 09 (chín) chiếc xi lanh nhựa 03ccml (01 chiếc chưa qua sử dụng và 08 chiếc đã

qua sử dụng); 08 (tám) ống nước cất NOVOCAIN (04 ống chưa qua sử dụng và 04 ống đã qua sử dụng); 08 (tám) mảnh giấy trắng có dòng kẻ; 02 (hai) mảnh nilon màu xanh; 02 (hai) vỏ túi nilon màu trắng; 03 (ba) mảnh giấy bạc (một mảnh màu vàng và hai mảnh màu trắng); 01 (một) ống thủy tinh có một đầu tròn; 01 (một) ống nhựa màu trắng; 02 (hai) chiếc bật lửa ga (01 chiếc vỏ màu đỏ, 01 chiếc vỏ màu tím); 02 (hai) chiếc thẻ sim điện thoại, đều đã qua sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, cần tịch thu và tiêu hủy.

Đối với các vật chứng còn lại:

Trả lại bị cáo: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LVMobile – LV118, vỏ màu đỏ; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, mặt bàn phím bị vỡ dạn nứt; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng đã qua sử dụng (Các điện thoại nói trên chưa kiểm tra tình trạng bên trong máy, đều đã qua sử dụng); 01 (một) cân tiểu ly thủ công, vỏ bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số A0023240 mang tên Bàn Văn Việt; 01 (một) giấy phép lái xe số Y807061 do Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/12/2005; 01 (một) chứng minh nhân dân số 073099299 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/5/2016 mang tên Phan Văn T và 01 (một) thẻ điều trị MMT (Methadone) số 2190020021 do TT Y tế huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang cấp ngày 23/9/2015 mang tên Phan Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy là tài sản cá nhân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Trả lại cho Dương Thị T1: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh nước biển, không kiểm tra tình trạng bên trong máy, đã qua sử dụng và 01 (một) sổ hộ khẩu số 220116780 mang tên chủ hộ Dương Thị T1;

Trả lại cho Mã Văn H: 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha, màu sơn Đỏ - Đen, số loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 23D1-259.47, xe đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 11521 do Công an huyện Bắc Quang cấp ngày 24/12/2016 mang tên Mã Văn H;

Trả lại cho Ma Thị K: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP731453 mang tên người sử dụng đất Ma Thị K;

Trả lại cho Hoàng Văn Thành 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 073298525 mang tên Hoàng Văn T2;

Xét thấy những vật chứng nói trên không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho người quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố Tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án phạt tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2018 đến ngày 21/4/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong bằng giấy trắng, bên ngoài có ghi “vỏ phong bì niêm phong và mảnh nilon sau khi mở niêm phong mẫu vật gửi giám định”, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu giáp lai của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hà Giang; 01 (một) phong bì mặt sau ghi “mẫu vật hoàn trả sau giám định” có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn giáp lai của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; 09 (chín) chiếc xi lanh nhựa 03ccml (01 chiếc chưa qua sử dụng và 08 chiếc đã qua sử dụng); 08 (tám) ống nước cất NOVOCAIN (04 ống chưa qua sử dụng và 04 ống đã qua sử dụng); 08 (tám) mảnh giấy trắng có dòng kẻ; 02 (hai) mảnh nilon màu xanh; 02 (hai) vỏ túi nilon màu trắng; 03 (ba) mảnh giấy bạc (một mảnh màu vàng và hai mảnh màu trắng); 01 (một) ống thủy tinh có một đầu tròn; 01 (một) ống nhựa màu trắng; 02 (hai) chiếc bật lửa ga (01 chiếc vỏ màu đỏ, 01 chiếc vỏ màu tím); 02 (hai) chiếc thẻ xim điện thoại, đề đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LVMobile – LV118, vỏ màu đỏ; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, mặt bàn phím bị vỡ dạn nứt; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng đã qua sử dụng (Các điện thoại nói trên chưa kiểm tra tình trạng bên trong máy, đều đã qua sử dụng); 01 (một) cân tiểu ly thủ công, vỏ bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số A0023240 mang tên Bàn Văn Việt; 01 (một) giấy phép lái xe số Y807061 do Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/12/2005; 01 (một) chứng minh nhân dân số 073099299 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/5/2016 mang tên Phan Văn T và 01 (một) thẻ điều trị MMT (Methadone) số 2190020021 do TT Y tế huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang cấp ngày 23/9/2015 mang tên Phan Văn T;

Trả lại cho Dương Thị T1: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo mặt trước màu đen, mặt sau màu xanh nước biển, không kiểm tra tình

trạng bên trong máy, đã qua sử dụng và 01 (một) sổ hộ khẩu số 220116780 mang tên chủ hộ Dương Thị T1;

Trả lại cho Mã Văn H: 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha, màu sơn Đỏ - Đen, số loại xe SIRIUS, biển kiểm soát 23D1-259.47, xe đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 11521 do Công an huyện Bắc Quang cấp ngày 24/12/2016 mang tên Mã Văn H;

Trả lại cho Ma Thị K: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP731453 mang tên người sử dụng đất Ma Thị K;

Trả lại cho Hoàng Văn T2 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 073298525 mang tên Hoàng Văn T2;

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 04-7-2019).

4. Về án phí: Bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh

Khổng Mỹ Hạnh

Đàm Thị Tư